|  |  |
| --- | --- |
| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH ĐẮK NÔNG Số: /2023/NQ-HĐND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc *Đắk Nông, ngày tháng năm 2023* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định cụ thể mức chi cho hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản; định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ* *sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ;*

*Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC* *ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính* *quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày* *06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính* *quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung chi, mức chi liên quan đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định cụ thể một số mức chi liên quan đến công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa; định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; các cơ quan thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật.

2. Các cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định gồm: Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp các huyện, thành phố; Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND cấp huyện; Các cơ quan, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu, kế hoạch.

3. Các cá nhân, đơn vị, tổ chức khác có liên quan.

**Điều 3. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

1. Đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế

a) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân:

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để quy định nội dung tại khoản 4 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: 30.000.000 đồng/dự thảo.

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để quy định nội dung tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: 25.000.000 đồng/dự thảo.

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện: 15.000.000 đồng/dự thảo.

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã: 10.000.000 đồng/dự thảo.

b) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân

- Dự thảo Quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh: 20.000.000 đồng/dự thảo.

- Dự thảo Quyết định của Uỷ ban nhân dân cấp huyện: 10.000.000 đồng/dự thảo.

- Dự thảo Quyết định của Uỷ ban nhân dân cấp xã: 8.000.000 đồng/dự thảo.

2. Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Uỷ ban nhân dân các cấp, sửa đổi hoặc bổ sung một số điều:

a) Mức chi bằng 80% định mức phân bổ đối với văn bản ban hành mới hoặc thay thế quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung từ 03 văn bản quy phạm pháp luật trở lên mức chi bằng 100% mức chi đối với văn bản ban hành mới hoặc thay thế quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với dự thảo bãi bỏ:

a) Đối với văn bản bãi bỏ từ 01 đến 03 văn bản: Mức phân bổ kinh phí bằng 40% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với văn bản bãi bỏ từ 04 đến 09 văn bản: Mức phân bổ kinh phí không quá 60% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Đối với văn bản bãi bỏ trên 10 văn bản: Mức phân bổ kinh phí không quá 80% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế quy định tại khoản 1 Điều này.

***Phương án 1:***

**4.** Căn cứ vào định mức phân bổ kinh phí tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, các cơ quan có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được chi các nội dung do cơ quan mình chủ trì theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong phạm vi định mức kinh phí được phân bổ.

***Phương án 2:***

4. Căn cứ vào định mức phân bổ kinh phí tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, phân bổ định mức chi cho các cơ quan có liên quan trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật như sau:

a) Cơ quan xem xét cho ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản:

- Văn phòng UBND tỉnh được chi 05%;

- Sở Tư pháp được chi 03%.

b) Cơ quan thẩm định văn bản:

- Cơ quan thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết đặc thù theo khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được chi 12%;

- Cơ quan thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được chi 08%.

c) Cơ quan thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được chi 05%;

d) Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản được chi 64%. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định không thực hiện thẩm tra thì cơ quan chủ trì soạn thảo được chi 70%. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định không thực hiện thẩm định thì cơ quan chủ trì soạn thảo được chi 80%.

đ) Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp ban hành: Ủy ban nhân dân các cấp họp thông qua văn bản được chi 05% và Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp họp thông qua văn bản được chi 05%. Đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp ban hành, Ủy ban nhân dân các cấp họp thông qua văn bản được chi 10%;

e) Cơ quan hoàn thiện và ký ban hành văn bản được chi 05%;

5. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại khoản 4 Điều này, trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn dự toán ngân sách chi thường xuyên được giao hàng năm để hỗ trợ các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản.

**Điều 4. Quy định một số nội dung chi, mức chi liên quan đến công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

1. Các mức chi đặc thù cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết này.

2. Các mức chi khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

**Điều 4.****Nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện**

Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước đảm bảo và được tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 36/2012/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định về nội dung chi và mức chi công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBTV Quốc hội; Chính phủ;  - Ban Công tác đại biểu**-**UBTVQH;  - Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;  - Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL**-**Bộ Tư pháp;  - Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;  - UBND tỉnh; UB MTTQ VN tỉnh và các tổ chức  chính trị xã hội tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Các Ban HĐND tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh;  - VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;  - Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh;  - Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;  - UBND các xã, phường, thị trấn;  - Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;  - Công báo tỉnh,  - Cổng TTĐT tỉnh;  - Trung tâm Lưu trữ-Sở Nội vụ;  - Lưu: VT, …. | **CHỦ TỊCH**  **Lưu Văn Trung** |

**Phụ lục**

**Các mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

(*Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày / /2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông*)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi**  (ĐVT: 1.000 đồng) | **Ghi chú** |
| 1 | Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra |  |  |  |
| a | Chủ trì cuộc họp | Người/ buổi | 150 |  |
| b | Các thành viên tham dự | Người/ buổi | 120 |  |
| 2 | Chi lấy ý kiến chuyên gia | 01 báo cáo/01 văn bản | 1.500 |  |
| 3 | Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản |  |  |  |
| a | Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực; Báo cáo kết quả hệ thống văn bản định kỳ (05 năm); Báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản |  |  |  |
| - | Báo cáo do Sở Tư pháp xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tư pháp | 01 báo cáo | 7.000 |  |
| - | Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập | 01 báo cáo | 3.000 |  |
| - | Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, các phòng, ban, ngành cấp huyện; Báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập | 01 báo cáo | 1.500 |  |
| b | Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp | 01 báo cáo | 400 |  |
| 4 | Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp). | 01 lần chỉnh lý | 900 |  |
| 5 | Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng |  | Mức chi thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp |  |
| 6 | Chi kiểm tra văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP |  |  |  |
| a | Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật | 01 văn bản | 250 |  |
| b | Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật | 500 |  |
| 7 | Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội |  | 150 |  |
| 8 | Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản |  |  |  |
| a | Mức chi chung | 01 văn bản | 300 |  |
| b | Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp | 01 văn bản | 600 |
| 9 | Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản | 01 văn bản | 200 |  |
| 10 | Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP | 01 văn bản | 150 |  |
| 11 | Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản |  |  |  |
| a | Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản | 01 văn bản | 150 |  |
| b | Chi tổ chức, thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí…phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật |  |  |  |
| - | Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí |  | Mức chi theo chứng từ hợp pháp |  |
| - | Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn | 01 tài liệu (01 văn bản) | 70 | Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo |
| 12 | Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản: |  | Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp |  |
| 13 | Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm |  | Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí |  |